**Giải đáp và hướng dẫn pháp luật mới về bảo vệ môi trường.**

**Câu hỏi 1: Các thủ tục và hồ sơ về môi trường của một dự án đầu tư vào KCN?**

**Trả lời:**

**Trước khi xây dựng dự án:**

+ Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường (KBM) cho dự án trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận.

**Trước khi đưa dự án đi vào hoạt động:**

+ Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để được cho phép vận hành thử nghiệm (Khoản 9 Điều 1 Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019);

+ Lập hồ sơ xin xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án gửi cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM để được cấp giấy xác nhận (Khoản 10 Điều 1 Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019);

**Trong thời gian dự án đi vào hoạt động:**

+ Lập hồ sơ xin đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN gửi Trung tâm dịch vụ công ích.

+ Ký hợp đồng xử lý nước thải với Trung tâm dịch vụ công ích;

+ Ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng;

+ Ký hợp đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt với đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

+ Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm, gửi cơ quan phê duyệt ĐTM hoặc xác nhận KBM trước ngày 31/1 hàng năm (theo Điều 37 Thông tư 25/TT-BTNMT ngày 31/12/2019).

+ Lập kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31/12 hàng năm (theo khoản 27 Điều 3 Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019).

**Câu hỏi 2: Các đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)?**

**Trả lời:**

Đối tượng có quy mô, công suất thuộc cột 3 phụ lục II Mục I phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

**Câu hỏi 3: Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM gồm:

+ Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án quy định tại Phụ lục III Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019, trừ các dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn **trừ** các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của các Bộ liên quan.

**Câu hỏi 4: Các đối tượng lập kế hoạch bảo vệ môi trường (KBM)?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định đối tượng lập kế hoạch bảo vệ môi trường gồm:

+ Dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng quy mô, nâng công suất có tổng quy mô, công suất của cơ sở đang hoạt động và phần đầu tư mới thuộc đối tượng quy định tại cột 5 Phụ lục II Mục I phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

+ Dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án, phương án đầu tư mở rộng quy mô, nâng công suất các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, có phát sinh lượng nước thải từ 20 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 500 m3/ngày (24 giờ) hoặc chất thải rắn từ 01 tấn/ngày (24 giờ) đến dưới 10 tấn/ngày (24 giờ) hoặc khí thải từ 5.000 m3 khí thải/giờ đến dưới 20.000 m3 khí thải/giờ (bao gồm cả cơ sở đang hoạt động và phần mở rộng) trừ các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy định tại cột 3 Phụ lục II Mục I phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

**Câu hỏi 5: Thẩm quyền xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường?**

**Trả lời:**

1. **Kế hoạch bảo vệ môi trường Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận**

 Theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định đối tượng lập kế hoạch bảo vệ môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận gồm:

+ Đối tượng quy định tại phụ lục IV Mục I phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ cụ thể:

1. Dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường quy định tại cột 5 Phụ lục II và thuộc Danh mục các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao quy định tại Phụ lục IIa Nghị định 40/NĐ-CP.

2. Dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án, phương án đầu tư mở rộng quy mô, nâng công suất các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, có phát sinh lượng nước thải từ 50 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 500 m3/ngày (24 giờ) hoặc chất thải rắn từ 05 tấn/ngày (24 giờ) đến dưới 10 tấn/ngày (24 giờ) hoặc khí thải từ 10.000 m3 khí thải/giờ đến dưới 20.000 m3 khí thải/giờ (bao gồm cả cơ sở đang hoạt động và phần mở rộng) trừ các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy định tại cột 3 Phụ lục II Nghị định 40/NĐ-CP.

3. Dự án có hạng mục với quy mô, công suất tương đương hoặc tính chất tương tự các dự án tại các mục 1 và 2 Phụ lục này.

4. Dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng lập kế hoạch bảo vệ môi trường thực hiện trên địa bản 2 huyện trở lên.

 + Dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b Luật bảo vệ môi trường gồm: Dự án nằm trên địa bàn 02 huyện trở lên và dự án trên vùng biển có chất thải đưa vào địa bàn xử lý.

1. **Kế hoạch bảo vệ môi trường UBND cấp huyện xác nhận**

Đối tượng lập kế hoạch bảo vệ môi trường do UBND cấp huyện xác nhận gồm: Các đối tượng theo quy định tại khoản 11 Điều 1 **trừ** các đối tượng được quy định tại tiết a điểm 1 khoản 12 Điều 1 Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ (có thể hiểu là đối tượng phải thực hiện KBM nhưng trừ các dự án thuộc thẩm quyền xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường).

**Câu hỏi 6: Quy định về nước thải tại các doanh nghiệp trước khi đấu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung các KCN?**

**Trả lời:**

Nước thải phát sinh tại các doanh nghiệp được xử lý cục bộ tại nhà máy, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của KCN cụ thể:

 + Đối với KCN Hòa Hiệp: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, kq = 1,3; kf = 1,2.

 + Đối với KCN An Phú: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

 + Đối với KCN Đông Bắc Sông Cầu: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, kq = 1,3; kf = 1,2.

**Câu hỏi 7: Hệ thống xử lý nước thải sơ bộ của các nhà máy trong KCN có phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại điểm 2, khoản 20 Điều 3 Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ, các cơ sở nằm trong Khu công nghiệp đã đấu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung KCN **không phải** lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

**Câu hỏi 8: Các đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục? Nếu có, cần quan trắc thông số nào?**

**Trả lời:**

1. **Đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

Theo quy định tại điểm 2, khoản 23 Điều 3 Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ, đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục gồm:

+ Dự án, cơ sở thuộc danh mục các nguồn thải, khí thải lưu lượng lớn quy định tại phụ lục I Mục III phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019, cụ thể:

**DANH MỤC CÁC NGUỒN THẢI KHÍ THẢI LƯU LƯỢNG LỚN**

| **STT** | **Loại hình** | **Công suất** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Sản xuất gang, thép | Từ 200.000 tấn/năm trở lên |
| 2 | Nhiệt điện | Tất cả, trừ nhà máy nhiệt điện sử dụng hoàn toàn nhiên liệu là khí đốt |
| 3 | Sản xuất clinker, xi măng | Tất cả |
| 4 | Sản xuất hóa chất, phân bón hóa học | Từ 10.000 tấn/năm trở lên |
| 5 | Công nghiệp lọc, hóa dầu | Tất cả |
| 6 | Cơ sở có sử dụng lò hơi công nghiệp | Từ 20 tấn hơi/giờ trở lên (tính cho tổng công suất các lò hơi), trừ trường hợp sử dụng hoàn toàn nhiên liệu là khí đốt, dầu DO |
| 7 | …… |  |

+ Khí thải của các cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất thuộc đối tượng phải lập báo cáo ĐTM.

+ Cơ sở bị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xả khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần.

1. **Thông số quan trắc khí thải tự động, liên tục gồm:**

+ Các thông số môi trường cố định gồm: Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O2 dư, bụi tổng, SO2, NOx, CO;

+ Các thông số môi trường đặc thù theo ngành nghề được nêu trong báo cáo và quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM hoặc KBM được xác nhận.

**Câu hỏi 9: Hệ thống xử lý nước thải sơ bộ của các nhà máy trong KCN có phải xây dựng bể sự cố hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại điểm 6 khoản 19 Điều 3 Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ, các cơ sở đấu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp **không cần có** công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

**Câu hỏi 10: *Khi nào phải lập và gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định:

+ Chủ dự án đã hoàn thành các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi thực hiện dự án và cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước ít nhất **20 ngày làm việc**, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

+ Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ **03 đến 06 tháng** kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư 25/TT-BTNMT ngày 31/12/2020 quy định:

+ Trong quá trình vận hành thử nghiệm, trường hợp các công trình xử lý chất thải không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, chử dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

a) Có văn bản thông báo cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày, nêu rõ lý do các công trình xử lý chất thải không đáp ứng yêu cầu và thực hiện ngay phương án cải thiện, bổ sung;

b) Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải để vận hành lại. Trình tự, thủ tục, thời gian vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải được thực hiện như vận hành thử nghiệm lần đầu.

**Câu hỏi 11: *Đối tượng và thời điểm lập hồ sơ đề nghị kiểm tra và xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định:

Chủ dự án thuộc đối tượng quy định tại cột 4 phụ lục II Mục I phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/NĐ-CP phải lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

Thời điểm thực hiện: trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định.

***Câu hỏi 12: Việc thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường được thực hiện như thế nào?***

***Trả lời:***

Theo quy định Điều 37 và Điều 40 Thông tư 25/TT-BTNMT ngày 31/12/2019, chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ có trách nhiệm: lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm *(kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)* được gửi tới cơ quan quản lý trước 31 tháng 01 của năm tiếp theo. Mẫu báo cáo theo Phụ lục VI đính kèm Thông tư 25/TT-BTNMT.

Báo cáo định kỳ bao gồm các nội dung: báo cáo quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quan trắc tự động liên tục, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại,…

***Câu hỏi 13: Đề nghị hướng dẫn việc chủ nguồn thải thực hiện báo cáo định kỳ quản lý CTRSH trong trường hợp chỉ phát sinh CTRSH.***

***Trả lời:***

Căn cứ quy định tại Điều 37 và Phụ lục IV Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã quy định cụ thể đối tượng, chế độ và biểu mẫu báo cáo công tác bảo vệ môi trường đối với chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Do vậy, chủ dự án, cơ sở căn cứ vào tình hình hoạt động của dự án, cơ sở thực hiện báo cáo các nội dung về BVMT, trong đó có nội dung về quản lý CTRSH.

***Câu hỏi 14: Đối tượng nào phải thực hiện hệ thống quản lý môi trường?***

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 18 Điều 2 của Nghị định 40/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã đi vào hoạt động thuộc các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/NĐ-CP *(cụ thể 1 số ngành trong KCN như sản xuất phân bón, chế biến thủy sản, sản xuất linh kiện, điện tử,…),* đồng thời thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường phải có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001.

+ Thời hạn hoàn thành hệ thống quản lý môi trường đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày dự án đi vào vận hành;

b) Trước ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với các cơ sở đang hoạt động.

***Câu hỏi 15: Việc lập kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ căn cứ vào các nội dung nào?***

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 27 Điều 3 Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019, việc lập kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31/12 hàng năm căn cứ vào các nội dung sau:

+ Chương trình quan trắc và giám sát môi trường định kỳ trong báo cáo và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận hoặc các hồ sơ tương đương hoặc chương trình quan trắc và giám sát môi trường định kỳ đã được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình hoạt động của dự án, cơ sở, khu công nghiệp tại giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường,…

+ Các loại chất thải phát sinh theo từng nguồn, điểm xả thải; thành phần môi trường phải quan trắc; tần suất và thông số quan trắc môi trường định kỳ.

***Câu hỏi 16: Việc lưu trữ CTNH và ký hợp đồng thu gom, xử lý chất thải nguy hại như thế nào là đúng pháp luật?***

***Trả lời:***

 Theo quy định tại Điều 7 Thông tư 36/TT-BTNMT về Quản lý chất thải nguy hại quy định chủ nguồn thải CTNH thực hiện trách nhiệm với các yêu cầu kỹ thuật, cụ thể:

+ Bố trí khu vực lưu giữ CTNH; lưu giữ CTNH trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định tại Phụ lục 2 (A) ban hành kèm theo Thông tư 36/TT-BTNMT.

+ Yêu cầu khi chuyển giao CTNH:

a) Chỉ ký hợp đồng chuyển giao CTNH với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý CTNH hoặc Giấy phép quản lý CTNH phù hợp;

b) Khi có nhu cầu xuất khẩu CTNH để xử lý ở nước ngoài, chủ nguồn thải CTNH phải tuân thủ Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới các CTNH và việc tiêu hủy chúng (sau đây gọi tắt là Công ước Basel) theo quy định tại Điều 23 Thông tư 36/TT-BTNMT.

+ Sử dụng chứng từ CTNH mỗi lần chuyển giao CTNH theo quy định;

+ Sau thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày chuyển giao CTNH, nếu không nhận được hai liên cuối cùng của chứng từ CTNH mà không có lý do hợp lý bằng văn bản từ phía tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH thì chủ nguồn thải CTNH báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Tổng cục Môi trường để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

 + Lưu trữ với thời hạn 05 (năm) năm tất cả các liên chứng từ CTNH đã sử dụng, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Phòng Quy hoạch – Xây dựng và Môi trường****Phó Phòng****Trần Thị Thương** |